

Tên Tổ chức niêm yết
Công Ty CP Khoáng sản và Vật Liệu Xây
Dựng Lâm Đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: **163** / CTy

Đà Lạt, ngày 26 tháng 08 năm 2013

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán
- Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM .

1. Tổ chức niêm yết: CTy Cổ Phần Khoáng sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng
2. Tên Giao dịch : CTy Cổ Phần Khoáng sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng
3. Mã chứng khoán niêm yết: LBM
4. Nội dung: Giải trình kết quả soát xét 6 tháng đầu năm 2013 .

Căn cứ kết quả thực hiện (Lợi nhuận sau thuế) 6 tháng đầu năm 2013 (Bao gồm Báo cáo riêng và Báo cáo Hợp nhất) của Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng đã được CTy kiểm toán DTL soát xét .

Đơn vị tính : 1000 đồng

STT	Chỉ tiêu	6tháng/ 2013	6tháng/ 2012	So sánh
I	Báo cáo riêng			
	- Doanh thu	93,027,575	79,434,829	117,11%
	- Lợi nhuận sau thuế	11,629,077	3,295,836	352,84%
2	Báo cáo hợp nhất			
	- Doanh thu	113.164.065	99,471,876	113,76%
	- Lợi nhuận sau thuế	12,493,413	3,409,738	366,40%

Nay Đơn vị xin giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 so với 6 tháng đầu năm 2012 cùng kỳ báo cáo năm trước như sau (Báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) :

Nguyên nhân :

1. Báo cáo riêng :

- **Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước 117,11%** do tiêu thụ sản phẩm cao lanh và Bê tông tươi tăng cao.

- **Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước 352,84 %** do : Doanh thu tăng , giảm chi phí dẫn đến lợi nhuận gộp tăng . Chi phí Quản lý giảm 2,773 tỷ do giảm trích dự phòng phải thu và giảm chi trợ cấp thôi việc . Chi phí tài chính : lãi vay giảm 1,835 tỷ so với cùng kỳ năm trước .

2. Báo cáo hợp nhất

- **Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước 113,76 %** do tiêu thụ sản phẩm cao lanh và Bê tông tươi tăng cao tuy nhiên doanh thu gạch tại Công Ty con giảm .

- **Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước 366,40 %** do : Doanh thu tăng , giảm chi phí dẫn đến lợi nhuận gộp tăng . Chi phí Quản lý giảm 2,907 tỷ do giảm trích dự phòng phải thu và giảm chi trợ cấp thôi việc tại Công Ty Mẹ . Chi phí NVL , Công cụ tại Công Ty con giảm so với cùng kỳ năm trước .



Trên đây là những nguyên nhân chênh lệch tăng lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2013 so với cùng kỳ năm trước .

Đơn vị xin được giải trình và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo trên



NGUYỄN AN THÁI





RSM DTL Auditing

Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2013 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

Các công ty con tính đến ngày 30/06/2013 gồm :

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
2	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch	
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên	
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên	
Ông Trần Đại Hiền	Thành viên	18/03/2013
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên	18/03/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc		
Ông Võ Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc		01/07/2013
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc	15/07/2013	
Ông Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng		

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 08 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI



Số: 14.156/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2013



TĂNG QUỐC THẮNG
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1714-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.192.781.291	57.616.909.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.102.629.385	15.008.228.286
1. Tiền	111		7.102.629.385	1.477.108.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	13.531.120.125
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	28.354.365.316	22.290.635.293
1. Phải thu khách hàng	131		26.648.554.485	24.012.774.443
2. Trả trước cho người bán	132		2.937.758.390	572.239.000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.514.496.585	5.723.606.783
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.746.444.144)	(8.017.984.933)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	19.957.069.556	19.282.130.023
1. Hàng tồn kho	141		20.642.277.295	19.967.337.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(685.207.739)	(685.207.739)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		778.717.034	1.035.916.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	547.550.019	1.016.049.290
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	231.167.015	19.867.015

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.624.753.269	80.116.557.373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.715.502.854	64.672.745.784
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	61.359.152.297	62.672.586.885
+ Nguyên giá	222		131.132.895.358	134.162.075.179
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.773.743.061)	(71.489.488.294)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	1.490.444.967	1.679.539.869
+ Nguyên giá	228		4.966.943.358	5.058.885.373
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.476.498.391)	(3.379.345.504)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	865.905.590	320.619.030
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.139.717.491	11.516.939.223
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.9	12.139.717.491	11.516.939.223
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.769.532.924	3.926.872.366
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.038.235.043	3.290.925.636
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.10	55.216.160	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	676.081.721	635.946.730
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		146.817.534.560	137.733.467.280

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.445.171.572	19.911.432.057
I. Nợ ngắn hạn	310		21.375.171.572	19.841.432.057
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	4.838.523.113	11.751.144.966
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	1.049.800.275	1.303.458.055
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	2.737.683.746	1.527.504.973
5. Phải trả người lao động	315		3.921.474.650	3.152.875.432
6. Chi phí phải trả	316	5.14	1.798.597.882	50.109.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	6.365.014.094	1.331.431.819
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		664.077.812	724.907.812
II. Nợ dài hạn	330		70.000.000	70.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		70.000.000	70.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.372.362.988	117.822.035.223
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	125.372.362.988	117.822.035.223
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.832.301.860	8.494.720.339
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.904.552.158	2.296.318.165
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.629.077.765	5.024.565.514
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		146.817.534.560	137.733.467.280

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.965.949.443	2.965.949.443
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		64.661,94	20.410,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ MỸ DUNG

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		93.524.529.420	79.569.894.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		496.953.468	135.064.687
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	93.027.575.952	79.434.829.888
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	66.509.799.325	63.044.561.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.517.776.627	16.390.268.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.667.744.081	2.524.361.581
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.451.841	1.844.383.326
trong đó, chi phí lãi vay	23		3.449.747	1.495.119.339
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.805.183.504	2.714.069.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	9.382.157.898	12.155.795.209
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.990.727.465	2.200.381.317
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.554.406.074	1.293.210.606
12. Chi phí khác	32	6.8	4.792.829.537	125.724.414
13. Lợi nhuận khác	40		(1.238.423.463)	1.167.486.192
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.752.304.002	3.367.867.509
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	3.178.442.397	72.031.093
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(55.216.160)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.629.077.765	3.295.836.416

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ NAM ĐỒNG

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 07 năm 2013
KẾ TOÁN TRƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ MỸ DUNG NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.752.304.002	3.367.867.509
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.710.078.363	7.021.810.624
Các khoản dự phòng	03		(271.540.789)	3.866.574.755
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.269.164.264)	(2.489.230.579)
Chi phí lãi vay	06		3.449.747	1.495.119.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		19.925.127.059	13.262.141.648
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.557.614.759)	6.271.085.077
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(674.939.533)	706.298.485
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.813.451.045)	(6.882.112.492)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		721.189.864	(794.435.008)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.449.747)	(1.495.119.339)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.853.800.979)	(151.388.453)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(100.964.991)	(753.353.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		12.642.095.869	10.163.116.059
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.917.732.252)	(1.387.841.028)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		993.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.517.772.912
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.377.037.482	1.875.943.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.547.694.770)	6.655.874.906

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.881.680.386	24.348.918.391
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.881.680.386)	(58.431.864.149)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(8.157.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(42.240.445.758)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		3.094.401.099	(25.421.454.793)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.008.228.286	33.674.869.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		18.102.629.385	8.253.414.588

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 07 năm 2013

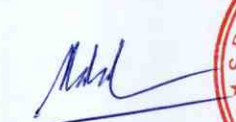
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NAM ĐỒNG



PHẠM THỊ MỸ DUNG



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/06/2013 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

Các công ty con tính đến ngày 30/06/2013 gồm :

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
2	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và kinh doanh khoáng sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07 năm
+ Tài sản cố định vô hình	17 - 26 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:
 - + Tại Xi Nghiệp Gạch Ngói Tuynen Thạnh Mỹ : theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000275 ngày 13/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynen Thạnh Mỹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	426.552.662	193.791.165
Tiền gửi ngân hàng	6.676.076.723	1.283.316.996
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	13.531.120.125
Tổng cộng	18.102.629.385	15.008.228.286

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	26.648.554.485	24.012.774.443
Trả trước cho người bán	2.937.758.390	572.239.000
Các khoản phải thu khác	6.514.496.585	5.723.606.783
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	36.100.809.460	30.308.620.226
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.746.444.144)	(8.017.984.933)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	28.354.365.316	22.290.635.293

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, chi tiết số dư phải thu các bên có liên quan gồm (xem mục 7):

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát	2.532.493.000	1.629.190.657
Ứng tiền trước cho Cty TNHH Hiệp Thịnh Phát	74.270.000	216.000.000
Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng	11.865.000	104.740.000
Cộng	2.618.628.000	1.949.930.657

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát – xem mục 7	1.411.188.473	724.679.976
Phải thu tiền lợi nhuận chuyển về từ Công ty CP Hiệp Thành – xem mục 7	368.435.000	368.435.000
Phải thu khách hàng mặng xây lắp	4.425.873.866	4.367.273.866
Khác	308.999.246	263.217.941
Cộng	6.514.496.585	5.723.606.783

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.312.676.780	6.746.059.401
Công cụ, dụng cụ	429.405.257	493.465.828
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.081.653.814	2.866.247.592
Thành phẩm	9.290.473.196	8.295.944.515
Hàng hóa	1.528.068.248	1.565.620.426
Cộng giá gốc hàng tồn kho	20.642.277.295	19.967.337.762
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(685.207.739)	(685.207.739)
Giá trị thuần có thể thực hiện	19.957.069.556	19.282.130.023

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	231.167.015	19.867.015
Tổng cộng	231.167.015	19.867.015

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	40.447.605.830	72.115.353.862	19.392.811.149	1.369.284.580	520.611.939	316.407.819	134.162.075.179
Tăng trong năm	-	4.251.869.091	6.367.309.091	47.340.752	-	-	10.666.518.934
Tăng khác	378.706.391	688.645.835	-	-	-	-	1.067.352.226
Giảm do trình bày lại theo TT45	(566.611.859)	(661.033.836)	(372.269.989)	(912.039.061)	-	-	(2.511.954.745)
Giảm do thanh lý	(2.695.451.781)	(7.635.761.685)	(595.761.437)	(176.421.333)	-	-	(11.103.396.236)
Giảm do đầu tư vào cty con	-	(243.000.000)	(904.700.000)	-	-	-	(1.147.700.000)
Số dư cuối kỳ	37.564.248.581	68.516.073.267	23.887.388.814	328.164.938	520.611.939	316.407.819	131.132.895.358
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	17.245.153.789	40.931.859.817	11.525.285.819	1.203.789.859	318.745.401	264.653.609	71.489.488.294
Khấu hao trong kỳ	1.267.567.439	3.964.672.208	1.219.669.155	39.578.713	30.804.366	8.629.086	6.530.920.967
Tăng khác	13.292.304	27.366.450	-	-	-	-	40.658.754
Giảm do trình bày lại theo TT45	(370.579.847)	(521.964.149)	(84.956.039)	(808.392.536)	-	-	(1.785.892.571)
Giảm do thanh lý	(2.049.765.455)	(3.967.337.945)	(307.907.650)	(176.421.333)	-	-	(6.501.432.383)
Số dư cuối kỳ	16.105.668.230	40.434.596.381	12.352.091.285	258.554.703	349.549.767	273.282.695	69.773.743.061
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	23.202.452.041	31.183.494.045	7.867.525.330	165.494.721	201.866.538	51.754.210	62.672.586.885
Tại ngày cuối kỳ	21.458.580.351	28.081.476.886	11.535.297.529	69.610.235	171.062.172	43.125.124	61.359.152.297

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 14.342.463.649 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hàm mỏ	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	431.993.275	1.634.797.000	2.528.795.098	463.300.000	5.058.885.373
Giảm do thanh lý	(65.442.015)	-	-	-	(65.442.015)
Giảm do trình bày lại theo TT 45	-	-	-	(26.500.000)	(26.500.000)
Số dư cuối kỳ	366.551.260	1.634.797.000	2.528.795.098	436.800.000	4.966.943.358
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	415.483.280	1.120.786.000	1.825.129.454	17.946.770	3.379.345.504
Khấu hao trong kỳ	16.509.995	-	115.654.903	46.992.498	179.157.396
Giảm do thanh lý	(65.442.015)	-	-	-	(65.442.015)
Giảm do trình bày lại theo TT45	-	-	-	(16.562.494)	(16.562.494)
Số dư cuối kỳ	366.551.260	1.120.786.000	1.940.784.357	48.376.774	3.476.498.391
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	16.509.995	514.011.000	703.665.644	445.353.230	1.679.539.869
Tại ngày cuối kỳ	-	514.011.000	588.010.741	388.423.226	1.490.444.967

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.606.384.260 đồng

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đến bù mỏ N'Thon Ha	127.025.250	127.025.250
Máng cấp nguội – XN Hiệp Tiến	-	61.165.000
Lắp đặt bồn dầu xường Cam Ly	104.782.818	-
Cải tạo nhà làm việc	605.077.628	-
Xây dựng nhà Nthon Hạ	29.019.894	-
Nhà che máy xay samot hạt lớn	-	57.928.364
Chi phí khoan giếng – XN Hiệp Tiến	-	74.500.416
Tổng cộng	865.905.590	320.619.030

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	12.139.717.491	11.516.939.223
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	12.139.717.491	11.516.939.223
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	12.139.717.491	11.516.939.223

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư vào cổ phiếu công ty con, công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	100,00%	4.771.017.491	100,00%	4.148.239.223
Công ty CP Hiệp Thành	58.48%	7.368.700.000	58.48%	7.368.700.000
Công ty CP Hiệp Phú	-	-	-	-
Cộng		12.139.717.491		11.516.939.223

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CCDC chờ phân bổ	1.420.801.149	1.760.574.780
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	532.243.506	922.391.528
Chi phí sửa chữa	1.085.190.388	516.959.607
Khác	-	90.999.721
Tổng cộng	3.038.235.043	3.290.925.636

5.11. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	4.838.523.113	11.751.144.966
Người mua trả tiền trước	1.049.800.275	1.303.458.055
Tổng cộng	5.888.323.388	13.054.603.021

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên có liên quan được chi tiết như sau (xem mục 7) :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.158.369.406	3.424.524.120
Tổng cộng	1.158.369.406	3.424.524.120

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	431.644.969	208.023.118
Thuế nhập khẩu	19.615.644	-
Thuế TNDN	2.116.036.983	791.395.565
Thuế thu nhập cá nhân	32.452.600	62.277.550
Thuế tài nguyên	87.880.050	342.045.540
Các loại thuế khác	50.053.500	123.763.200
Tổng cộng	2.737.683.746	1.527.504.973

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước lương tháng 6/2013	1.798.597.882	-
Chi phí khác	-	50.109.000
Tổng cộng	1.798.597.882	50.109.000

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	10.487.872
Kinh phí công đoàn	332.171.697	361.881.095
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	235.337.118	-
Cổ tức phải trả	4.078.750.000	-
Phải trả Hiệp Thịnh Phát – xem mục 7	453.018.863	-
Phải trả Cty CP Hiệp Thành – xem mục 7	8.100.000	8.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.257.636.416	950.962.852
Tổng cộng	6.365.014.094	1.331.431.819

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	9.106.086.706	11.281.749.019	122.394.266.930
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	12.164.679.861	12.164.679.861
Trích quỹ	-	-	-	1.684.951.798	(2.106.863.366)	(421.911.568)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(16.315.000.000)	(16.315.000.000)
Số dư đầu năm nay	<u>85.000.000.000</u>	<u>21.378.566.720</u>	<u>(4.372.135.515)</u>	<u>10.791.038.504</u>	<u>5.024.565.514</u>	<u>117.822.035.223</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.629.077.765	11.629.077.765
Cổ tức phải trả	-	-	-	-	(4.078.750.000)	(4.078.500.000)
Trích quỹ	-	-	-	945.815.514	(945.815.514)	-
Số dư cuối kỳ	<u>85.000.000.000</u>	<u>21.378.566.720</u>	<u>(4.372.135.515)</u>	<u>11.736.854.018</u>	<u>11.629.077.765</u>	<u>125.372.612.988</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Tổ chức trong nước	2.053.459	20.534.590.000	25.17%
Tổ chức nước ngoài	28.100	281.000.000	0.34%
Cá nhân trong nước	5.999.151	59.991.510.000	73.54%
Cá nhân nước ngoài	76.790	767.900.000	0.94%
Tổng cộng	8.157.500	81.575.000.000	100.00%

5.16.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(342.500)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ -VPCT	1.449.365.612	5.110.277.376
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt – XN Hiệp An	13.744.921.171	16.141.629.494
Doanh thu gạch – XN Thanh Mỹ	8.691.306.354	14.366.321.990
Doanh thu cao lanh – XN Hiệp Tiến	20.325.495.179	15.788.500.387
Doanh thu bê tông – XN Hiệp Lực	48.816.487.636	28.028.100.641
Doanh thu thuần	93.027.575.952	79.434.829.888

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ -VPCT	769.727.762	4.611.401.397
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt – XN Hiệp An	11.310.483.674	15.478.199.460
Giá vốn gạch – XN Thanh Mỹ	6.826.431.158	11.110.028.042
Giá vốn cao lanh – XN Hiệp Tiến	14.568.007.005	11.056.437.957
Giá vốn bê tông – XN Hiệp Lực	33.035.149.726	20.788.494.842
Cộng	66.509.799.325	63.044.561.698

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	317.905.550	665.877.812
Lợi nhuận được chia	2.292.621.566	1.823.352.767
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.162.815	35.131.002
Khác	54.150	-
Tổng cộng	2.667.744.081	2.524.361.581

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	3.449.747	1.495.119.339
Chiết khấu thanh toán	-	297.066.530
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.516.406	50.312.852
Chi phí hoạt động tài chính khác	485.688	1.884.605
Tổng cộng	7.451.841	1.844.383.326

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	1.304.305.527	796.446.953
Chi phí vật liệu, bao bì	1.130.363.188	692.548.700
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	52.888.618	4.596.448
Chi phí khấu hao	739.143.693	705.425.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.161.261	472.993.245
Chi phí bằng tiền khác	423.321.217	42.059.461
Tổng cộng	3.805.183.504	2.714.069.919

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	7.019.485.601	4.767.864.124
Chi phí vật liệu, bao bì	506.762.419	475.517.075
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	173.299.601	95.252.484
Chi phí khấu hao	472.001.224	520.844.576
Chi phí dự phòng	(271.540.789)	3.882.838.155
Thuế, phí và lệ phí	232.081.248	239.113.763
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.081.227	289.191.086
Chi phí bằng tiền khác	959.987.367	1.885.173.946
Tổng cộng	9.382.157.898	12.155.795.209

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Xử lý hàng tồn kho	193.888.121	391.344.047
Thu nhập cho thuê xe xúc	-	612.633.500
Xử lý công nợ	46.594.080	273.109.118
Bán phế liệu	-	13.057.273
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.260.601.001	-
Thu nhập từ tiền đền bù xướng	-	-
Thu nhập khác	53.322.872	3.066.668
Tổng cộng	3.554.406.074	1.293.210.606

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.601.963.853	-
Tháo dỡ nhà cấp liệu Hiệp Tiến	117.936.364	-
Phạt thuế tài nguyên, môi trường	55.000.000	-
Xử lý công nợ	-	122.992.292
Chi phí khác	17.929.320	2.732.122
Tổng cộng	4.792.829.537	125.724.414

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	14.572.304.002	3.367.867.510
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	275.864.642	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.292.621.566)	(1.823.352.767)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	12.735.547.078	1.544.514.743
Trong đó :		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	108.887.452	1.722.551.741
Thu nhập chịu thuế suất 25%	12.626.659.626	(178.036.998)
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.178.442.397	300.001.099
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(227.970.006)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	3.178.442.397	72.031.093

6.10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho
Số dư đầu năm	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(55.216.160)
Số dư cuối kỳ	55.216.160

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	16.661.021.961	16.872.918.741
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.748.939.154	41.877.300.226
Chi phí công cụ, đồ dùng	2.862.429.948	1.396.151.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.710.078.563	7.021.810.624
Chi phí dự phòng	(271.540.789)	3.882.838.155
Thuế, phí, lệ phí	2.362.574.398	272.752.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.268.659.294	3.914.717.848
Chi phí khác bằng tiền	1.527.361.123	1.279.868.804
Tổng cộng	79.869.523.452	76.518.357.669

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Hiệp Thành	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng	Cổ đông

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	4.398.251.473	3.043.045.633
Phải trả - Xem thêm mục 5.12 và 5.15	1.619.488.269	3.432.624.120

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ giao khoán mỏ	-	1.888.381.000
Bán hàng	648.307.452	83.583.000
Bán tài sản cố định	2.572.666.364	-
Chuyển chi phí bóc tầng phủ mỏ bentonite	-	367.018.644
Mua hàng	14.633.171.466	9.997.452.500
Mua TSCĐ	3.826.839.091	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	266.000.000	288.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	453.039.000	392.603.000
Tổng cộng	719.039.000	680.603.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.102.629.385	15.008.228.286
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.327.984.207	20.362.063.376
Tài sản khác	676.081.721	635.946.730
Tổng cộng	42.106.695.313	36.006.238.392
Công nợ tài chính		
Phải trả nhà cung cấp	4.838.523.113	11.751.144.966
Chi phí phải trả	-	50.109.000
Tổng cộng	4.838.523.113	11.801.253.966

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc giai đoạn kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lỗi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	26.658,98	-	77.999,94	63.581,71

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	4.838.523.113	-	4.838.523.113
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	4.838.523.113	-	4.838.523.113

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	11.751.144.966	-	11.751.144.966
Chi phí phải trả	50.109.000	-	50.109.000
Cộng	11.801.253.966	-	11.801.253.966

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.902.110.341	4.425.873.866	23.327.984.207
Tài sản khác	-	676.081.721	676.081.721
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.994.789.510	4.367.273.866	20.362.063.376
Tài sản khác	-	635.946.730	635.946.730

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 07 năm 2013.

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NAM ĐỒNG

PHẠM THỊ MỸ DUNG

NGUYỄN AN THÁI